

Tăng tỷ trọng

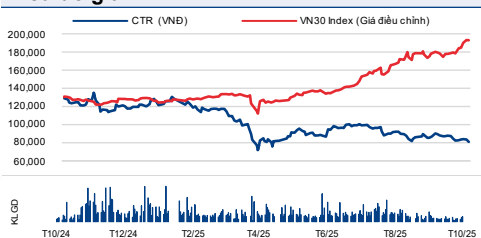
Giá mục tiêu: VNĐ104,800

Tiềm năng tăng/giảm: 28.7%

Giá cổ phiếu (đồng) (16/10/2025)	81,400
Mã Bloomberg	CTR VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	72,126-134,883
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	82,100
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	9,311
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	354
Slg CP lưu hành (tr.đv)	114
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	56.0
Slg CP NN được mua (tr.đv)	47.1
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	7.80%
Tỷ lệ freefloat	34.3%
Cổ đông lớn	Tập đoàn Viettel (65.7%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-24A	12-25F	12-26F
DT thuần (tỷ đồng)	12,610	14,008	15,646
EBITDA đc (tỷ đồng)	1,032	1,238	1,404
LNTT (tỷ đồng)	672	745	815
LNT ĐC (tỷ đồng)	403	447	489
FCF (tỷ đồng)	340	498	323
EPS ĐC (đồng)	3,522	3,910	4,276
DPS (đồng)	2,150	2,500	2,500
BVPS (đồng)	16,305	17,715	19,491
T.trưởng EBITDA (%)	13.4	19.9	13.4
T.trưởng EPS ĐC (%)	1.44	11.0	9.35
Tăng trưởng DPS (%)	(21.0)	16.3	0
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	8.18	8.84	8.97
Tỷ suất LNTT (%)	5.33	5.32	5.21
Tỷ suất LNT ĐC (%)	4.27	4.26	4.17
Tỷ lệ LN trả CT (%)	61.1	63.9	58.5
Nợ thuần/VCSH (%)	61.7	51.0	48.1
ROAE (%)	27.9	30.6	30.6
ROACE (%)	29.5	30.9	31.2
EV/doanh thu (lần)	0.73	0.66	0.59
EV/EBITDA ĐC (lần)	8.91	7.51	6.55
P/E ĐC (lần)	23.1	20.8	19.0
P/B (lần)	4.99	4.59	4.18
Lợi suất cổ tức (%)	2.64	3.07	3.07

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

Khởi đầu là đơn vị xây dựng cho Viettel, tập đoàn viễn thông số 1 tại Việt Nam, CTR hiện đã trở thành doanh nghiệp đi đầu trong lĩnh vực hạ tầng viễn thông với sự tham gia vào các mảng xây dựng, vận hành và đầu tư cho thuê hạ tầng.

Chuyên viên phân tích

Trần Thị Thu Nga, CFA

Trưởng phòng , Ngành Công Nghiệp & nga.tttthu@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4807

Võ Thị Ngọc Hân, CFA

Giám Đốc Cấp Cao, Ngành Công Nghiệp han.vtn@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 314

Q3/2025: LNTT tăng 18%, vững chắc và sát với dự báo

- CTR công bố KQKD Q3/2025 vững chắc và sát với dự báo, với doanh thu thuần đạt 3.955 tỷ đồng (tăng 14% so với cùng kỳ và tăng 23% so với quý trước) và LNTT đạt 210 tỷ đồng (tăng 18% so với cùng kỳ và tăng 16% so với quý trước). Phân khúc năng lượng mặt trời trở thành điểm sáng với mức tăng trưởng vượt bậc.
- Trong 9 tháng đầu năm 2025, doanh thu thuần và LNTT tăng lần lượt 10% và 13%, hoàn thành 71% và 73% dự báo cho năm 2025 của HSC.
- Trong tháng 9/2025, CTR đã lắp đặt thêm 212 trạm BTS mới (Q3/2025: 559 trạm và tính từ đầu năm: 1.329 trạm), nâng tổng số trạm BTS lên 11.329 vào cuối tháng 9/2025. Tỷ lệ dùng chung trạm không thay đổi ở mức 1,034 lần.
- Chúng tôi đang xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu sau khi giá cổ phiếu giảm trong thời gian gần đây.

Sự kiện: Công bố KQKD Q3/2025

KQKD Q3/2025 vững chắc, với doanh thu thuần tăng 14% so với cùng kỳ (tăng 23% so với quý trước) và LNTT tăng 18% so với cùng kỳ (tăng 16% so với quý trước). Trong tháng 9 năm 2025, doanh thu thuần tăng 9% so với cùng kỳ (tăng 3% so với tháng trước) đạt 1.319 tỷ đồng, trong khi LNTT tăng 24% so với cùng kỳ (tăng 11% so với tháng trước) đạt 75 tỷ đồng. Chúng tôi cho rằng đà tăng mạnh hơn của LNTT là nhờ tăng trưởng vượt bậc của phân khúc năng lượng mặt trời (một phân khúc thuộc mảng giải pháp tích hợp).

Doanh thu thuần và LNTT 9 tháng đầu năm 2025 đã hoàn thành lần lượt 71% và 73% dự báo cho cả năm 2025 của chúng tôi.

Hầu hết các mảng kinh doanh đều tăng trưởng mạnh, ngoại trừ mảng vận hành

Trong Q3/2025, doanh thu của mảng xây dựng, mảng cho thuê hạ tầng và mảng giải pháp tích hợp tăng mạnh 28-34% so với cùng kỳ, trong khi doanh thu mảng vận hành mạng lưới giảm 4% so với cùng kỳ. Chi tiết như sau:

- Doanh thu **mảng xây dựng** Q3/2025 tăng 31% so với cùng kỳ và tăng 40% so với quý trước, đạt 1.512 tỷ đồng (9 tháng đầu năm 2025: 3.415 tỷ đồng, tăng 17% so với cùng kỳ), với mảng xây dựng dân dụng dẫn đầu. Đối với B2C&SME, CTR giữ vững vị thế dẫn đầu trong xây dựng nhà ở riêng lẻ với 450 dự án mới trong Q3/2025 (tăng 41% so với cùng kỳ).
- Doanh thu **mảng giải pháp tích hợp** Q3/2025 tăng 28% so với cùng kỳ và tăng 32% so với quý trước, đạt 612 tỷ đồng (9 tháng đầu năm 2025: 1.414 tỷ đồng, tăng 13% so với cùng kỳ), dẫn dắt bởi phân khúc năng lượng mặt trời. Phân khúc này ghi nhận mức tăng trưởng vượt bậc trong Q3/2025, với tổng công suất lắp đặt đạt 59 MWP (tăng 634% so với cùng kỳ), phục vụ binh quân 1.200 khách hàng mỗi tháng, mức cao kỷ lục kể từ năm 2019. Trong 9 tháng đầu năm 2025, CTR chiếm 45% thị phần công suất triển khai trên toàn quốc (123/273 MWP).

Do đó, doanh thu phân khúc này trong Q3/2025 tăng vọt 186% so với cùng kỳ (9 tháng đầu năm 2025: tăng 150% so với cùng kỳ, đạt hơn 700 tỷ đồng). Chúng tôi lưu ý rằng phân khúc này tạo ra tỷ suất LNTT cao khoảng 20%, do đó đóng góp đáng kể vào mức tăng trưởng LNTT của CTR trong tháng 9/2025 và Q3/2025.

Doanh thu **mảng cho thuê hạ tầng** Q3/2025 tăng 34% so với cùng kỳ và tăng 4% so với quý trước, đạt 222 tỷ đồng (9 tháng đầu năm 2025: 634 tỷ đồng, tăng 41% so với cùng kỳ). Trong tháng 9/2025, CTR đã bổ sung thêm 212 trạm BTS mới (tính từ đầu năm: 1.329 trạm), nâng tổng số trạm BTS lên 11.329 trạm vào cuối tháng 9/2025. So với Q2/2025 (420 trạm mới), tiến độ lắp đặt trạm BTS trong Q3/2025 (559 trạm) được đẩy nhanh hơn, tăng 33% so với quý trước. HSC kỳ vọng tiến độ lắp đặt các trạm BTS sẽ được đẩy mạnh trong Q4/2025 để hoàn thành 2.000 trạm BTS mới vào cuối năm. Tỷ lệ dùng chung trạm không thay đổi ở mức 1,034 lần.

(Xem tiếp trang 2)

Trong khi đó, doanh thu mảng vận hành trong Q3/2025 giảm 4% so với cùng kỳ (nhưng tăng 10% so với quý trước) đạt 1.611 tỷ đồng (9 tháng đầu năm 2025: 4.495 tỷ đồng, không đổi so với cùng kỳ).

Xem xét lại khuyến nghị và giá mục tiêu

Sau khi giá cổ phiếu giảm 8%/18% trong 1 tháng/3 tháng qua, CTR đang giao dịch với EV/EBITDA điều chỉnh trượt dự phóng 1 năm là 7,9 lần, thấp hơn 1,3 độ lệch chuẩn so với bình quân từ năm 2021 ở mức 11 lần.

Chúng tôi đang xem xét lại dự báo lợi nhuận, giá mục tiêu và khuyến nghị sau khi giá cổ phiếu giảm trong thời gian gần đây.

Bảng 1: KQKD Q3/2025 và 9 tháng đầu năm 2025, CTR

CTR ghi nhận LNTT tăng trưởng 18% so với cùng kỳ trong Q3 và 13% so với cùng kỳ trong 9 tháng đầu năm

Tỷ đồng	T9-24	T9-25	So với cùng kỳ	So với tháng trước	Q3/24	Q3/25	So với cùng kỳ	So với quý trước	9T24	9T25	So với cùng kỳ	% hoàn thành
Doanh thu thuần	1,206	1,358	12.5%	2.9%	3,476	3,994	14.9%	23.4%	9,141	10,008	9.5%	71.4%
LNTT	61	75	23.7%	10.9%	178	210	18.1%	16.0%	484	545	12.8%	73.2%

Nguồn: CTR

Bảng 2: Cơ cấu doanh thu Q3/2025 và 9 tháng đầu năm 2025 theo mảng kinh doanh, CTR

Trong Q3/2025 và 9 tháng đầu năm 2025, hầu hết các mảng kinh doanh đều ghi nhận doanh thu thuần tăng trưởng mạnh, ngoại trừ mảng vận hành

Tỷ đồng	T9-24	T9-25	So với cùng kỳ	So với tháng trước	Q3/24	Q3/25	So với cùng kỳ	So với quý trước	9T24	9T25	So với cùng kỳ
Doanh thu thuần	1,206	1,358	12.5%	2.9%	3,476	3,994	14.9%	23.4%	9,141	10,008	9.5%
Vận hành	535	549	2.5%	6.8%	1,670	1,611	-3.5%	9.3%	4,466	4,495	0.6%
Xây dựng	424	481	13.3%	-10.2%	1,154	1,512	31.0%	40.4%	2,919	3,415	17.0%
Giải pháp tích hợp	181	230	26.9%	18.2%	486	621	27.7%	31.5%	1,256	1,414	12.6%
Cho thuê hạ tầng	58	73	25.9%	-2.4%	166	222	33.6%	4.4%	449	634	41.2%

Nguồn: CTR

Bảng 3: Số trạm BTS bổ sung, CTR

CTR đã bổ sung thêm 212 trạm BTS trong T9-2025 (tổng từ đầu năm: 1.329 trạm), nâng tổng số trạm BTS lên mức 11.329 trạm tính đến cuối T9/2025

	T1-25	T2-25	T3-25	T4-25	T5-25	T6-25	T7-25	T8-25	T9-25
Tổng số trạm BTS	10,047	10,114	10,350	10,470	10,610	10,770	10,930	11,117	11,329
Số trạm BTS mới	47	67	236	120	140	160	160	187	212
Lũy kế từ đầu năm	47	114	350	470	610	770	930	1,117	1,329
Số trạm dừng chung	338	340	340	350	358	363	370	375	385
Tỷ lệ dừng chung trạm	1.034	1.034	1.033	1.033	1.034	1.034	1.034	1.034	1.034

Nguồn: CTR

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Doanh thu	11,370	12,610	14,008	15,646	17,093
Lợi nhuận gộp	902	884	1,008	1,112	1,229
Chi phí BH&QL	(248)	(169)	(210)	(235)	(256)
Thu nhập khác	2.82	3.98	0	0	0
Chi phí khác	(4.96)	(6.50)	(5.60)	(6.26)	(6.84)
EBIT	652	713	792	871	965
Lãi vay thuần	3.85	(41.1)	(47.1)	(55.8)	(60.7)
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	0	0	0	0	0
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	-	-	-	-	-
LNTT	656	672	745	815	905
Chi phí thuế TNDN	(131)	(134)	(149)	(163)	(181)
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	0	0	0
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	525	538	596	652	724
Lợi nhuận thuần ĐC	397	403	447	489	543
EBITDA ĐC	910	1,032	1,238	1,404	1,552
EPS (đồng)	3,472	3,522	3,910	4,276	4,745
EPS ĐC (đồng)	3,472	3,522	3,910	4,276	4,745
DPS (đồng)	2,720	2,150	2,500	2,500	3,000
Slg CP bình quân (triệu đv)	114	114	114	114	114
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	114	114	114	114	114
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	114	114	114	114	114

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Tiền & tương đương tiền	819	887	1,231	1,415	1,399
Đầu tư ngắn hạn	1,000	854	560	626	684
Phải thu khách hàng	2,999	2,937	3,082	3,286	3,419
Hàng tồn kho	790	610	630	688	735
Các tài sản ngắn hạn khác	81.1	134	119	125	128
Tổng tài sản ngắn hạn	5,689	5,421	5,622	6,141	6,364
TSCĐ hữu hình	285	191	100	7.16	(88.8)
TSCĐ vô hình	0	0	0	0	0
Bất động sản đầu tư	829	1,223	1,538	1,618	1,607
Đầu tư dài hạn	153	252	252	252	252
Đầu tư vào Cty LD,LK	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	35.7	19.7	21.9	24.5	26.7
Tổng tài sản dài hạn	1,302	1,685	1,912	1,901	1,797
Tổng cộng tài sản	6,991	7,106	7,534	8,042	8,161
Nợ ngắn hạn	1,196	1,052	1,121	1,252	1,026
Phải trả người bán	581	608	700	782	855
Nợ ngắn hạn khác	1,987	2,388	2,351	2,351	2,351
Tổng nợ ngắn hạn	4,602	4,653	4,854	5,140	5,055
Nợ dài hạn	378	573	653	673	676
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	0	0	0	0	0
Nợ dài hạn khác	14.7	15.3	0	0	0
Tổng nợ dài hạn	392	588	653	673	676
Tổng nợ phải trả	4,994	5,241	5,507	5,813	5,732
Vốn chủ sở hữu	1,997	1,865	2,026	2,229	2,429
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	0	0	0
Tổng vốn chủ sở hữu	1,997	1,865	2,026	2,229	2,429
Tổng nợ phải trả và VCSH	6,991	7,106	7,534	8,042	8,161
BVPS (đ)	17,456	16,305	17,715	19,491	21,236
Nợ thuần*/(tiền mặt)	755	738	543	509	303

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
EBIT	652	713	792	871	965
Khấu hao	(258)	(319)	(445)	(533)	(587)
Lãi vay thuần	3.85	(41.1)	(47.1)	(55.8)	(60.7)
Thuế TNDN đã nộp	(57.7)	(116)	(149)	(163)	(181)
Thay đổi vốn lưu động	(195)	465	5.47	(107)	(37.9)
Khác	96.6	(133)	125	(235)	(239)
LCT thuần từ HKKD	573	1,141	1,168	843	1,031
Đầu tư TS dài hạn	(483)	(801)	(670)	(520)	(480)
Góp vốn & đầu tư	(2,222)	(1,651)	0	0	0
Thanh lý	0	1.11	0	0	0
Khác	2,546	1,850	(2.19)	(2.56)	(2.26)
LCT thuần từ HĐĐT	(159)	(600)	(672)	(523)	(482)
Cổ tức trả cho CSH	(117)	(525)	(286)	(286)	(343)
Thu từ phát hành CP	0	0	0	0	0
Tăng/giảm nợ	108	51.4	149	150	(223)
Khác	0	0	(15.3)	0	0
LCT thuần từ HĐTC	(9.31)	(474)	(152)	(136)	(566)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	414	819	887	1,231	1,415
LCT thuần trong kỳ	404	66.8	344	185	(17.0)
Ảnh hưởng của tỷ giá	-	-	-	-	-
Tiền & tương đương tiền cuối kì	818	885	1,231	1,415	1,399
Dòng tiền tự do	89.7	340	498	323	551

Các chỉ số tài chính	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	7.93	7.01	7.20	7.11	7.19
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	8.01	8.18	8.84	8.97	9.08
Tỷ suất LNT (%)	4.61	4.27	4.26	4.17	4.23
Thuế TNDN hiện hành (%)	20.0	19.9	20.0	20.0	20.0
Tăng trưởng doanh thu (%)	20.1	10.9	11.1	11.7	9.25
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	17.6	13.4	19.9	13.4	10.6
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	1.79	1.44	11.0	9.35	11.0
Tăng trưởng EPS (%)	1.79	1.44	11.0	9.35	11.0
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	1.79	1.44	11.0	9.35	11.0
Tăng trưởng DPS (%)	(6.82)	(21.0)	16.3	0	20.0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	78.4	61.1	63.9	58.5	63.2
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	28.9	27.9	30.6	30.6	31.1
ROACE (%)	30.3	29.5	30.9	31.2	32.1
Vòng quay tài sản (lần)	1.74	1.79	1.91	2.01	2.11
Tiền mặt HD/EBIT (lần)	0.88	1.60	1.47	0.97	1.07
Số ngày tồn kho	27.5	19.0	17.7	17.3	16.9
Số ngày phải thu	105	91.4	86.5	82.5	78.7
Số ngày phải trả	20.3	18.9	19.7	19.6	19.7
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	70.9	61.7	51.0	48.1	38.5
Nợ/tài sản (%)	32.0	28.7	30.1	30.9	28.6
EBIT/lãi vay (lần)	N/a	17.4	16.8	15.6	15.9
Nợ/EBITDA (lần)	2.45	1.97	1.83	1.77	1.50
Chỉ số TT hiện thời (lần)	1.24	1.17	1.16	1.19	1.26
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	0.80	0.73	0.66	0.59	0.52
EV/EBITDA ĐC (lần)	9.96	8.91	7.51	6.55	5.75
P/E (lần)	23.4	23.1	20.8	19.0	17.2
P/E ĐC (lần)	23.4	23.1	20.8	19.0	17.2
P/B (lần)	4.66	4.99	4.59	4.18	3.83
Lợi suất cổ tức (%)	3.34	2.64	3.07	3.07	3.69

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2025.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo gợi ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP.HCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn

